Số: 74/2026/VBHN-BNNMT
Thời gian ký: 2026-08-04T10:45:59+07:00

Phụ lục III
DANH MỤC LOÀI CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CHÍNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số..../2025/TT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Tên loài	Tên khoa học
1	Bạch đàn camal	*Eucalyptus camaldulensis* Dehnh
2	Bạch đàn lai	*Eucalyptus* hybrid
3	Bạch đàn urô	*Eucalyptus urophylla* S.T.Blake
4	Keo tai tượng	*Acacia mangium* Willd
5	Keo lá tràm	*Acacia auriculiformis* A.Cunn. ex Benth
6	Keo lai	*Acacia* hybrid
7	Keo lưỡi liềm	*Acacia crassicarpa* A.Cunn. ex Benth
8	Mỡ	*Mangletia conifera* Dandy
9	Bồ đề	*Styrax tonkinensis* Piere
10	Sa mộc	*Cunninghamia lanceoldta* (Lamb.) Hook
11	Sao đen	*Hopea odorata* Roxb
12	Dầu rái	*Dipterocarpus alatus* Roxb
13	Thông mã vĩ	*Pinus massoniana* Lamb
14	Thông ba lá	*Pinus kesiya* Royle ex Gordon
15	Thông nhựa	*Pinus merkusii* Junght. et de Vries
16	Thông caribê	*Pinus caribaea* Morelet
17	Lát hoa	*Chukrasia tabularis* A.Juss
18	Lim xanh	*Erythrophloeum fordii* Oliv
19	Giổi xanh	*Michelia mediocris* Dandy
20	Vối thuốc	*Schima wallichii* Choisy
21	Bời lời đỏ	*Litsea glutinosa* (Lowr) C.B.Rob
22	Trôm	*Sterculia foetida* L
23	Quế	*Cinamomum cassia* Presl
24	Hồi	*Illicium verum* Hook.f
25	Mắc ca	*Macadamia integrifolla* Maid. Et Betche
26	Sơn tra	*Docynia indica* (Wall) Dec
27	Trám trắng	*Canarium album* (Lour) Raeusch
28	Trám đen	*Canarium tramdenum* Dai &Ykovl
29	Tràm lá dài	*Melaleuca leucadendra* L
30	Tràm cừ	*Melaleuca cajuputi* Powell
31	Đước đôi	*Rhizopphora apiculata* Blume
32	Bần chua	*Sonneratia Caseolaris* (L.) Engl

2. Bảng quy định mã số loại hình nguồn giống cây trồng lâm nghiệp:

TT	Loại hình	Mã số
1	Lâm phần tuyển chọn	**T**
2	Rừng giống chuyển hóa từ rừng tự nhiên	**N**
3	Rừng giống chuyển hóa từ rừng trồng	**C**
4	Cây trội	**M**
5	Rừng giống trồng	**R**
6	Vườn giống hữu tính	**H**
7	Vườn giống vô tính	**V**
8	Vườn cây đầu dòng	**D**
9	Cây đầu dòng	**Đ**

3. Quy định cách lập mã số nguồn giống cây trồng lâm nghiệp:

Mã số nguồn giống cây trồng lâm nghiệp trong cả nước được lập theo quy định sau:

Mã số gồm chỉ chữ cái và 4 chữ số

- Chữ cái biểu thị loại hình nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (9 loại hình). Mã số loại hình nguồn giống cây trồng lâm nghiệp được ghi theo khoản 2 mục B phụ lục này.

- 2 số tiếp theo biểu thị mã số tỉnh nơi có nguồn giống cây trồng lâm nghiệp. Mã số của tỉnh được ghi theo khoản 1 mục B phụ lục này.

- 2 chữ số cuối cùng biểu thị số thứ tự nguồn giống cây trồng lâm nghiệp được công nhận theo trình tự thời gian.

Ví dụ:

1. Vườn giống vô tính loài cây Sở tại tỉnh Nghệ An là nguồn giống cây trồng lâm nghiệp thứ 18 được Chi cục Kiểm lâm tỉnh Nghệ An thẩm định, công nhận sẽ được cấp mã số như sau:

V.40.18

2. Rừng giống chuyển hóa từ rừng trồng loài cây Trám trắng tại tỉnh Thanh Hóa là nguồn giống cây trồng lâm nghiệp thứ 5 được Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thanh Hóa thẩm định và công nhận sẽ được cấp mã số như sau:

C.38.05

3. Vườn cây đầu dòng Keo lai tại Gia Lai là nguồn giống cây trồng lâm nghiệp thứ 2 được Chi cục Kiểm lâm tỉnh Gia Lai tổ chức thẩm định và công nhận sẽ được cấp mã số như sau:

D.52.02